

## TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VĨ MÔ ĐẾN QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN

BẠCH HỒNG VIỆT\*

Tây Nguyên có diện tích tự nhiên 54.700 km<sup>2</sup> (chiếm 16,8% diện tích cả nước); dân số 5.107.437 người, chiếm 5,95% dân số cả nước; mật độ dân số trung bình 93 người/km<sup>2</sup><sup>1</sup>. Đây là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, an ninh và quốc phòng.

Trước năm 1975, toàn vùng chỉ có 18 dân tộc sinh sống, nhưng hiện nay đây là vùng đa dạng nhất về thành phần dân tộc so với các vùng khác trong cả nước (có 49/54 dân tộc)<sup>2</sup>, trong đó người Kinh chiếm 66,96% dân số, đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 33,04%.

Từ sau năm 1975, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến sự ổn định và phát triển của các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên. Đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho sự phát triển của vùng (Chính sách dân số, di dân, ổn định đất đai, phát triển sản xuất, y tế, giáo dục, an sinh xã hội ...). Song tác động của các chính sách đến các mặt đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường còn nhiều hạn chế, đặc biệt là nhóm dân tộc thiểu số tại chỗ. Việc đánh giá tác động của các chính sách vĩ mô đến sự ổn định xã hội và phát triển của vùng là hết sức cần thiết, từ đó có sự điều chỉnh hợp lý để phát triển hiệu quả hơn. Bài viết sẽ tập trung phân tích thực trạng của một số chính sách vĩ mô tác động đến sự phát triển và quản lý phát triển xã hội vùng Tây Nguyên, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính định hướng cho sự phát triển bền vững vùng.

### 1. Chính sách dân số và phân bố dân cư

Do đặc điểm địa lý khác nhau của từng vùng, dẫn đến sự phân bố dân cư, đất đai, tài nguyên thiên nhiên và lao động không đều (hơn 80% dân số cả nước sống ở đồng bằng với 20% diện tích tự nhiên và 20% dân số sống ở miền núi với 80% diện tích). Sự phân bố dân cư không đều giữa các vùng là một trong những nguyên nhân tạo ra những chênh lệch phát triển. Để khai thác tối ưu lợi thế cũng như nội lực của từng vùng, đồng thời giảm thiểu khoảng cách chênh lệch phát triển, cần thiết phải có chính sách phân bố lại dân cư. Điều đó được đặt ra như một yêu cầu thiết yếu để ổn định và phát triển xã hội của vùng.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng nhanh về dân số và thành phần dân tộc của vùng Tây Nguyên. Ngoài sự gia tăng tự nhiên (tỷ lệ tăng dân số bình quân là

\* TS, Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

<sup>1</sup> Số liệu Tổng điều tra dân số 4/2009.

<sup>2</sup> Số liệu của Văn phòng Ban chỉ đạo Tây Nguyên, tháng 9/2009.

2,3%/năm trong thời kỳ 1999-2009), thì kết quả của chính sách di dân đã tác động không nhỏ đến sự phát triển xã hội của vùng. Số liệu thống kê cho thấy, trong vòng 20 năm (1989-2009) dân số của vùng đã tăng từ 2.486.060 người lên 5.107.437 người, và thành phần dân tộc đã tăng từ 13 lên 49 dân tộc<sup>3</sup>. Có thể khẳng định, di dân kinh tế mới và di dân tự do đã tác động lớn đến việc quản lý và phát triển xã hội của vùng. Nhìn chung, chính sách di dân thời kỳ này ngoài việc giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển các vùng chuyên canh (cây công nghiệp như cao su, cà phê, chè...) còn góp phần tạo sự cân đối về lao động và đất đai, đáp ứng nhu cầu việc làm và cải thiện đời sống của nhân dân. Trước đây, chính sách di dân tác động chủ yếu vào phát triển sản xuất (nông trường cà phê và cao su), nâng cao đời sống mà chưa chú ý đến sự phát triển đồng bộ, toàn diện các mặt của đời sống xã hội. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến những mất cân đối về mặt xã hội trong những thập kỷ kế tiếp. Tuy nhiên, từ sau những năm 1990, chính sách di dân đã có sự điều chỉnh, di dân không chỉ còn là sự chuyển dịch dân cư từ vùng này sang vùng khác, mà đã gắn với các dự án phát triển cả về kinh tế, văn hóa, xã hội. Thời kỳ này, chính sách di dân đã được xem xét toàn diện hơn để vừa đảm bảo cuộc sống mọi mặt của người di cư, vừa mở hướng ổn định sản xuất.

Chính sách di dân còn góp phần hình thành các điểm dân cư đô thị mới ở Tây Nguyên. Số liệu thống kê cho thấy, nếu năm 1995 toàn vùng có 47 huyện/thị với 534 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 72 phường, thị trấn và 462 xã) thì đến cuối năm 2009 có 58 huyện/thị với 719 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 595 xã, 77 phường, 47 thị trấn) (Ban chỉ đạo Tây Nguyên, 2010). Sau gần 15 năm (1995-2009), đã thành lập mới 11 huyện/thị, gần 200 đơn vị hành chính cấp xã, bình quân mỗi năm thành lập mới 12 xã. Số lượng các đơn vị hành chính mới đã cho thấy sự phát triển mạnh về mặt xã hội của vùng, tạo ra những áp lực trong việc quản lý dân cư và phát triển hạ tầng xã hội của vùng.

Bên cạnh những tác động tích cực, tạo chuyển biến về mặt xã hội cho sự phát triển của vùng, chính sách di dân còn bộc lộ những điểm yếu như chưa đồng bộ, chậm đổi mới so với thực tiễn, nhất là các chính sách liên quan đến hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng di dân. Quy hoạch các vùng định cư mới chưa quan tâm đúng mức đến sự hình thành một cơ cấu xã hội mới ở Tây Nguyên. Các vùng định cư mới ở Tây Nguyên chậm phát triển, hầu hết chỉ mang tính ổn định trong mấy năm đầu và sau đó chậm phát triển, hoặc phát triển kém bền vững. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường thấp, đặc biệt là sự lãng phí trong sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và môi trường xã hội.

Có thể đánh giá tổng quát trong một thời kỳ dài, chính sách di dân và phát triển vùng đã có tác động tích cực và đem lại hiệu quả thiết thực cho Tây Nguyên. Tuy nhiên, sự gia tăng dân số nhanh và đi kèm với nó là tình trạng đói nghèo, kém phát triển, cạn kiệt

<sup>3</sup> Số liệu của Văn phòng Ban chỉ đạo Tây Nguyên, tháng 9/2009. Tiêu biểu là người Kinh tăng từ 1.607.555 lên 3.362.479; người Tày tăng từ 19.657 lên 98.348; người Thái tăng từ 7.829 lên 28.514; người Nùng tăng từ 29.146 lên 114.962; người H'Mông tăng từ 219 lên 41.713 ...

tài nguyên đang dẫn đến những biểu hiện xung đột xã hội của vùng.

## 2. Chính sách đất đai

Chính sách di dân tái định cư đã bộc lộ tính hai mặt, và có tác động lớn đến chính sách đất đai. Một trong những hệ quả tác động trực tiếp là những vấn đề bất ổn của chính sách đất đai. Chính sách ổn định đất đai (sản xuất và định cư) đi cùng với chính sách di dân tạo nên hệ chính sách kép tác động mạnh đến việc quản lý và phát triển xã hội của vùng. Những thập niên 80, 90 của thế kỷ XX, với quan điểm gò ép muốn hoàn thành sớm công tác định canh định cư đã dẫn đến những điều kiện bất lợi, tạo ra sự không cân đối giữa di dân với các điều kiện cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Biểu hiện lớn nhất trong quản lý phát triển xã hội là tranh chấp đất đai giữa nhóm người nhập cư với nhóm dân cư tại chỗ. Mặc dù những tranh chấp đất đai mang tính xung đột "Kinh-Thượng" đã được ngăn ngừa, kiểm chế tốt hơn những năm trước, nhưng vẫn chứa đựng nhiều yếu tố khó giải quyết. Đáng lưu ý là tình hình tranh chấp, khiếu kiện về đất đai có chiều hướng gia tăng với những nội dung, tính chất, mức độ khác nhau; như xin đòi lại đất ở buôn làng cũ; đòi lại đất hoặc yêu cầu đền bù diện tích đất đã đưa vào hợp tác xã hoặc nông trường những năm trước đây; kiến nghị, phản đối việc thu hồi, sử dụng đất ở một số buôn làng giao cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, làm thủy lợi, làm du lịch. Ví dụ, trong năm 2008, toàn vùng đã xảy ra 243 vụ tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số (giảm trên 100 vụ so với năm 2007), trong đó tranh chấp, khiếu kiện về đất đai chiếm 43%<sup>4</sup>.

Nguyên nhân trước hết là do mâu thuẫn về đất đai nhiều năm chưa giải quyết triệt để. Một số dự án thu hồi đất ở các buôn làng giao cho doanh nghiệp chưa tính toán hợp lý, cân nhắc thận trọng, dẫn đến khiếu kiện. Một số nơi đồng bào thực sự thiếu đất sản xuất nhưng chính quyền chưa quan tâm giải quyết kịp thời, chậm đền bù hoặc đền bù không thỏa đáng, dẫn đến mâu thuẫn.

Công tác quản lý năm dân, tuyên truyền, giáo dục chưa tốt nên có tình trạng một số dân cư do bị tác động của bộ phận phản động lôi kéo tham gia vào việc đòi đất, chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, gây rối và làm mất trật tự xã hội. Mặc dù các địa phương rất tích cực chỉ đạo giải quyết (đã ổn định trên 75% số vụ việc, hoá giải kịp thời một số mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh tại buôn làng), nhưng hiện vẫn còn tồn đọng khoảng 25% vụ việc chưa giải quyết xong, trọng tâm là các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

Tác động hạn chế của chính sách đất đai còn thể hiện ở chỗ, chính sách chia đất cho người dân đã không tính đến những biến động dân cư trong những thập kỷ tiếp theo, làm cạn kiệt quỹ đất. Mặt trái của chính sách này là chia đất kiểu bình quân, dẫn đến sự manh

<sup>4</sup> Phân theo địa bàn: Kon Tum 18 vụ, Gia Lai 96, Đắk Lắk 64, Đắk Nông 18, Lâm Đồng 46. Phân theo nội dung vụ việc: tranh chấp, khiếu kiện về đất đai: 104 vụ, xô xát, mâu thuẫn trong nội bộ dân cư: 95 vụ, gây gổ đánh nhau giữa thanh niên dân tộc thiểu số với thanh niên Kinh: 44 vụ.

mún về đất đai, khó phát triển sản xuất với qui mô lớn. Mặc dù Tây Nguyên được coi là vùng “đất rộng, người thưa” nhưng kết quả của chính sách đất đai cho thấy qui mô đất canh tác ở đây rất nhỏ hẹp. Số liệu khảo sát về quy mô đất canh tác của hộ dân tộc thiểu số cho thấy: 10% số hộ có diện tích từ 2 ha trở lên; 34% số hộ có diện tích từ 1-2 ha; 25% số hộ có diện tích từ 0,5-1 ha; 27% số hộ có diện tích ít hơn 0,5 ha; 4% số hộ không có đất sản xuất. Đất đai manh mún, qui mô nhỏ cộng với tập quán sản xuất lạc hậu ở một số nơi trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số là nguyên nhân của tình trạng thiếu ăn, nghèo đói nhiều năm qua. Để khắc phục những “lỗ hổng” trong chính sách đất đai, Nhà nước đã có chủ trương điều chỉnh qui mô đất cho mỗi hộ lớn hơn, giảm sự manh mún. Các tỉnh Tây Nguyên đã rất nỗ lực trong việc tìm giải pháp để tạo ra quỹ đất, mở rộng định mức đất, giải quyết cho các hộ thiếu đất sản xuất với nhiều hình thức như tổ chức khai hoang, đầu tư công trình thủy lợi vừa và nhỏ để tăng vụ. Nhiều địa phương còn có cách làm như mua lại ruộng lúa nước, thu hồi đất từ các nông lâm trường (Đắk Lắk), tổ chức tạo ngành nghề, chuyển đổi giống cây trồng, cho vay vốn nuôi bò, dê (Lâm Đồng, Đắk Nông, Gia Lai) để mở rộng diện tích.

Cùng với những thiếu sót trên, còn tồn tại quan điểm định canh, định cư không xét đến tính phù hợp của tập quán, đặc thù của từng dân tộc dẫn đến kết quả một số nơi, sau khi di dân đến nơi ở mới một thời gian ngắn người dân lại quay trở lại nơi định cư cũ. Thêm vào đó, việc đầu tư dàn trải, không dứt điểm, thiếu đồng bộ đã tác động nhất định đến vấn đề ổn định dân cư, ổn định xã hội của vùng.

Tác động của chính sách đất đai đã có thời góp phần tạo ra những động lực mới trong sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, sứ mệnh của nó trong điều kiện mới đã mất dần, thay vào đó là yêu cầu đòi hỏi của sự tích tụ và tập trung đất đai để phát triển với qui mô lớn. Đây chính là những vấn đề quan trọng trong quản lý đất đai và quản lý xã hội những năm tiếp theo.

### **3. Chính sách dân tộc, tôn giáo**

Cùng với những tác động của chính sách dân số, đất đai, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên cũng là một nội dung quan trọng, có tác động không nhỏ đến sự ổn định và phát triển xã hội của vùng. Chưa bao giờ vấn đề dân tộc và tôn giáo trở thành đề tài thời sự nóng bỏng như những năm đầu thập kỷ XXI ở Tây Nguyên (đặc biệt là các năm 2001, 2004, 2008).

Theo số liệu thống kê, toàn vùng có 4 tôn giáo chính là Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Tin Lành và Cao Đài, với khoảng 1,4 triệu tín đồ (chiếm 29,8% dân số), trong đó có gần 500.000 tín đồ là người các dân tộc thiểu số. Điều đáng lưu ý là trong những năm vừa qua có sự gia tăng số lượng đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia vào đạo Tin Lành. Các đối tượng xấu đã lợi dụng tôn giáo, chia rẽ sự đoàn kết của các dân tộc, đối lập người dân tộc bản địa với nhóm dân cư mới đến, tạo ra những xung đột xã hội. Những bài học bất ổn về mặt xã hội năm 2001, 2004, 2008 cho chúng ta hiểu rõ hơn vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây

Nguyên. Đây được coi vấn đề quan trọng nhất, mang tính “sống còn” trong công tác quản lý và phát triển xã hội của vùng Tây Nguyên thời gian qua. Cùng với những nguyên nhân về điều kiện kinh tế chậm phát triển thì yếu tố chính trị như ly khai, tự trị được lồng ghép và tác động không nhỏ đến sự ổn định và phát triển xã hội. Các tổ chức phản động tranh thủ tuyên truyền, lôi kéo đồng bào các dân tộc thiểu số theo đạo Tin Lành, bóp méo và làm sai lệch chủ trương đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, gây chia rẽ các dân tộc, tạo sự bất ổn về xã hội. Năm 2008, lực lượng phản động đã có sự liên kết trong nước và nước ngoài, chúng gia tăng hoạt động ở bên ngoài và tập trung tuyên truyền, chống phá trong nước bằng nhiều thủ đoạn. Chúng tổ chức tuyên truyền, phát tán tài liệu nhằm mục đích xuyên tạc, kích động về vấn đề nhân quyền, đất đai, đời sống, tự do tôn giáo<sup>5</sup>. Ngoài ra, lực lượng phản động còn lôi kéo một số học sinh, sinh viên, tín đồ tôn giáo tham gia tuyên truyền và biểu tình bạo loạn ở nhiều nơi, nhiều lần<sup>6</sup>, nhằm gây mất ổn định chính trị vùng Tây Nguyên, làm cho tình hình phức tạp hơn, thậm chí có thời điểm căng thẳng.

Từ sau khi xảy ra một số vụ gây rối an ninh trật tự ở 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Phú Yên<sup>7</sup>, bọn phản động lưu vong một mặt tiếp tục chỉ đạo phát triển lực lượng, chuẩn bị biểu tình, bạo loạn; mặt khác tập trung đẩy mạnh tuyên truyền về dân chủ, nhân quyền, lợi dụng thiếu sót của ta trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, khoét sâu vào những khó khăn, sơ hở, kích động tâm lý dân tộc hẹp hòi, gây chia rẽ, thúc đẩy đấu tranh đòi ly khai, tự trị. Gần đây, chúng lợi dụng “Tuyên ngôn quyền người bản địa” đẩy mạnh việc tuyên truyền, kích động quần chúng, nhất là tuyên truyền về thắng lợi của “Nhà nước Đêga”; xuyên tạc các chính sách đầu tư ở Tây Nguyên là do sự giúp đỡ của quốc tế, không phải của Chính phủ Việt Nam<sup>8</sup>; phủ nhận sự quan tâm, chăm lo của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đợt cao điểm từ tháng 7 đến tháng 9-2008, chúng đã móc nối thành lập các nhóm hoạt động trên địa bàn 18 huyện của 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông; in sao, phát tán hàng trăm tờ “Đêga” và các tài liệu tuyên truyền, phản động; tổ chức chuẩn bị biểu tình, loan tin về biểu tình ở hàng chục buôn làng.

<sup>5</sup> Năm 2008, lực lượng phản động lưu vong chuyển vào nhiều hình ảnh, biểu tượng bản đồ “Nhà nước Đêga”, sơ đồ tổ chức “Nhà nước Đêga”, “Tài liệu 7 điểm”, “Tài liệu 10 điểm” của Ksor Kok, “Tuyên ngôn của Liên Hiệp Quốc về quyền người bản địa”, Sắc lệnh của Phủ Cao ủy Pháp ở Đông Dương (ngày 27-5-1946) về việc thành lập “Ủy phủ liên bang các dân tộc Thượng miền Nam Đông Dương” cùng với một số tài liệu, phương tiện khác.

<sup>6</sup> Từ đầu năm đến nay ta phát hiện chúng chỉ đạo 7 đợt biểu tình bạo loạn với nội dung đòi thả người dân tộc thiểu số bị bắt, bị tù, đòi dân chủ, bình đẳng, tự do tôn giáo, đòi rút quân đội, công an ra hết các buôn làng, đòi giải quyết đất đai và nhà thờ “Tin lành Đêga”, trọng điểm là ở Gia Lai và Đắk Lắk.

<sup>7</sup> Do sự kích động của bọn phản động lưu vong, từ ngày 11 đến 14-4-2008 đã xảy ra 11 vụ biểu tình, gây rối an ninh trật tự ở 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Phú Yên, lôi kéo trên 1.000 người dân tộc thiểu số ở 39 buôn làng của 19 xã thuộc 9 huyện tham gia. Đây là những vụ biểu tình, gây rối an ninh trật tự quy mô nhỏ nhưng mang yếu tố chính trị rõ nét, có sự chỉ đạo trực tiếp của bọn phản động lưu vong. Nhiều vụ có tổ chức, chuẩn bị về lực lượng, về cách thức tiến hành, truyền đơn, khẩu hiệu; một số quá khích có hành vi bạo động, gây rối, chống người thi hành công vụ.

<sup>8</sup> Chúng lợi dụng việc Nhà nước đầu tư phát triển ở Tây Nguyên, lừa mị đồng bào tiền đầu tư làm đường, trường học, bệnh viện, điện lưới, làm nhà và mở các lớp đào tạo nghề đều là tiền do các nước Châu Âu ủng hộ người dân tộc thiểu số Tây Nguyên, không phải của Chính phủ Việt Nam.

Tác động của chính sách dân tộc, tôn giáo đối với sự ổn định và phát triển xã hội của vùng thời gian qua diễn biến khá phức tạp. Nhìn chung, tình hình dân tộc và tôn giáo trong vùng ổn định. Song vẫn còn xuất hiện những nhóm khiêu khích đồng người (nguy cơ của sự bạo loạn). Những khiêu khích này xuất hiện chủ yếu là do việc thực hiện chính sách của một số cán bộ các cấp chưa đúng (đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, trợ cấp xã hội) hoặc do bị tác động lôi kéo của lực lượng phản động.

#### 4. Chính sách giảm nghèo

Số liệu thống kê năm 2008 cho thấy, tốc độ tăng GDP toàn vùng là 17,62% (đạt gần 30 nghìn tỷ đồng-giá CD 1994); thu nhập bình quân đầu người đạt trên 11 triệu đồng/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 16,15%, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số là 32,93%. Nhiều địa phương tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn cao như: Kon Tum 38,44%, Gia Lai 38,35%, Đắk Lắk 30,01%, Lâm Đồng 33,0% (Văn phòng Ban chỉ đạo Tây Nguyên, 2010).

Thời gian qua, tác động từ các chính sách kinh tế đến sự ổn định và phát triển xã hội vùng Tây Nguyên rất lớn. Tác động của chính sách được thể hiện qua các chương trình kinh tế nhằm hỗ trợ cho sự phát triển vùng. Chương trình 135 giai đoạn I, II, và một số chương trình lồng ghép khác, đã có tác động tốt, tạo nền tảng về cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn (gần đây là chương trình 30a của Chính phủ). Với sự lồng ghép của các chính sách cho phát triển, thời gian qua Nhà nước đã đầu tư cho 163 xã và hàng trăm buôn đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí 750 tỷ đồng, bình quân 2,5 tỷ đồng/xã, giúp các xã có bước phát triển về giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, nước, trường, trạm, chợ... Những năm qua, đã xây dựng 278 hạng mục giao thông nông thôn; 202 công trình thủy lợi; 141 công trình hạ thế điện; 345 trường học, với 1.271 phòng học và một số công trình hạng mục khác như: Trung tâm cụm xã, chợ, bến xe ... Kết quả là 98,6% số xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã, 94,4% có điện lưới quốc gia, 52,5% hộ đồng bào được dùng điện sinh hoạt; 100% xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điện thoại, có trạm y tế, có mạng lưới y tế cộng đồng, có trường tiểu học.

Ngoài nguồn vốn đầu tư thường xuyên, theo kế hoạch hàng năm, các tỉnh vùng Tây Nguyên đã chủ động tổ chức các “Diễn đàn xúc tiến đầu tư” nhằm thu hút các nguồn vốn thúc đẩy sự phát triển nhanh kinh tế của vùng. Kết quả của Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2009 cho thấy, đã có 16 dự án được UBND các tỉnh Tây Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn 8.525,75 tỷ đồng<sup>9</sup>, trong đó: Đắk Lắk 7 dự án với 3.105 tỷ đồng, Lâm Đồng 4 dự án với 2.502 tỷ đồng, Kon Tum 3 dự án với 2771 tỷ đồng, Gia Lai 2 dự án với 150 tỷ đồng. Ngoài ra, các nhà đầu tư đã có 17 dự án cam kết đầu tư vào Tây Nguyên với tổng số vốn 8.387 tỷ đồng.

Có thể khẳng định, những năm qua việc chăm lo phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên đã đạt được những thành tựu nhất

<sup>9</sup> Theo báo Nhân dân số 19742 ra ngày 15/9/2009 (trang 1).



định. Nhà nước đầu tư nguồn lực khá lớn cho phát triển. Nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp đã được nghiên cứu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Nhìn chung đời sống kinh tế các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đã có mức phát triển cao hơn, mặc dù chưa chuyển biến mạnh. Việc đầu tư hàng năm tuy có tăng lên nhưng chưa đủ để tạo ra bước nhảy lớn. Khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa vùng dân tộc thiểu số tại chỗ với vùng khác còn cao. Việc giải quyết đất đai, nhà ở, nước sinh hoạt, tổ chức sản xuất, xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm chưa đồng bộ. Hiện còn nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân còn nặng tư tưởng trông chờ vào Nhà nước, chưa cố gắng tự vươn lên thoát nghèo. Vấn đề giải quyết đất sản xuất vẫn gặp khó khăn do các địa phương không còn quỹ đất; việc khiếu kiện vượt cấp, kéo dài ở một số địa bàn chưa được giải quyết dứt điểm ảnh hưởng đến việc quản lý xã hội của vùng. Vì vậy, xoá đói giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Đã có nhiều biện pháp, giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện xoá đói giảm nghèo trên địa bàn Tây Nguyên, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Ví dụ: Dự án “Giảm nghèo khu vực miền Trung” (triển khai tháng 4/2006), đối tượng hưởng lợi là người dân nghèo tại 52 xã thuộc 6 huyện của Kon Tum, đặc biệt là người dân tộc thiểu số và phụ nữ độc thân (Trần Văn Chí). Dự án “Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng” được thực hiện tại Lâm Đồng (6 năm từ 2002-2008) (Nguyễn Xuân Kiêu).

Tóm lại, nhờ sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, sự quan tâm của cả cộng đồng, cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số đã từng ngày khởi sắc. Các dự án, chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đã phát huy hiệu quả mang lại những thay đổi lớn về mặt xã hội của vùng<sup>10</sup>.

### 5. Chính sách an sinh xã hội

Chủ trương ổn định an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên được Đảng và Nhà nước quan tâm rất sớm, ngay sau ngày thống nhất đất nước. Đây là một trong những trọng tâm hoạt động của các tỉnh trong vùng. Có thể khẳng định, những năm gần đây, chính sách an sinh xã hội đã đem lại hiệu quả thiết thực cho người dân bản địa Tây Nguyên. Hầu hết các chính sách đều nhằm đến mục tiêu an sinh xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, ổn định và phát triển xã hội.

Trong số các hoạt động an sinh xã hội, thì chủ trương xoá nhà tạm cho đối tượng nghèo đã đạt được kết quả tốt. Hưởng ứng chủ trương xoá nhà tạm cho đồng bào nghèo ở Tây Nguyên, đã có 72 đơn vị tham gia tài trợ với tổng số tiền 73,256 tỷ đồng<sup>11</sup>, trong đó: 12 đơn vị đăng ký tài trợ chung cho các tỉnh Tây Nguyên 14 tỷ đồng; 34 đơn vị tài trợ 35,286 tỷ đồng cho các hộ nghèo ở tỉnh Đắk Lắk; 19 đơn vị tài trợ 23,405 tỷ đồng cho tỉnh Kon Tum; 6 đơn vị đăng ký tài trợ 555 triệu đồng cho tỉnh Đắk Nông.

<sup>10</sup> Báo Điện tử ĐCSVN ngày 16/9/2009.

<sup>11</sup> Báo Nhân dân ngày 15/9/2009.

*Tóm lại*, trải qua nhiều thập kỷ đến nay xã hội truyền thống Tây Nguyên đã thay đổi khá nhiều trước những tác động của chính sách vĩ mô. Việc quản lý xã hội của vùng đang đối mặt với những vấn đề lớn nhằm vừa bảo tồn các giá trị truyền thống, vừa phát triển các giá trị mới. Các giá trị nền tảng tạo nên bản sắc kinh tế, xã hội, văn hóa của Tây Nguyên cần được thể hiện trong tất cả các không gian: sinh tồn tự nhiên, sinh tồn kinh tế, sinh tồn văn hóa và sinh tồn xã hội, có như vậy sự phát triển của vùng mới đảm bảo ổn định và phát triển mang tính bền vững.

### **Tài liệu trích dẫn**

- Ban chỉ đạo Tây Nguyên. 2010. Báo cáo kết quả xây dựng buôn làng tự quản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên, tháng 6/2010.
- Nguyễn Xuân Kiên - Trưởng ban QLDA tỉnh Lâm Đồng. Tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức và giải pháp. Tài liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Trần Văn Chí - Sở KHĐT Kon Tum. Tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức và giải pháp. Tài liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18-01-2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010.
- Quyết định 656/TTg ngày 13-9-1996 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên thời kỳ 1996-2000 và 2010.
- Thông báo 138-TB/TW ngày 13-4-2004 của Bộ Chính trị về tình hình phức tạp xảy ra ở Tây Nguyên vừa qua.